

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 47

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Văn Hoan  
Ông Nguyễn Viết Hiệp  
Ông Nguyễn Tiến Hiệp  
Ông Lê Minh Tuấn

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

##### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Viết Hiệp  
Ông Lê Minh Tuấn  
Ông Nguyễn Hồng Linh  
Ông Trần Văn Nam

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là ông Lương Văn Chiến.

#### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng: không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Viết Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024



Số: 211/2024/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 11 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 47 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 14 - Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước và Thuyết minh số 34.2 - Quản lý sử dụng đất tại Công ty thuộc phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó, Công ty trình bày thông tin về việc: Một phần diện tích đất Công ty quản lý, sử dụng chưa được chuyển giao hợp đồng thuê đất từ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam sau khi cổ phần hóa, theo đó, Công ty ghi nhận chi phí thuê đất theo Thông báo của Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam và Thông báo của cơ quan thuế. Chi phí tiền thuê đất và thuế đất của Công ty có thể thay đổi tùy thuộc vào thông báo chính thức của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3.1 - Giả định hoạt động liên tục thuộc phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại đó trình bày thông tin về: (i) Giả định hoạt động liên tục trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty và các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty; và (ii) Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên và Thông báo số 14/TP-VPCP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 01 năm 2022, văn bản số 303/TTg-ĐMDN của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 đã thông qua chủ trương hợp nhất Công ty với Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 34.4 – Thông tin về tranh chấp, kiện tụng thuộc phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả thông tin liên quan đến việc Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển hàng hóa Ý Minh đã khởi kiện Công ty vi phạm hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16 tháng 12 năm 2008.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có vấn đề cần nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính đó tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 036/VACO/BCKiT.NV2 vào ngày 27/02/2023.



**Hà Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2024

**Ngô Anh Dũng**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5215-2021-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2023

Mẫu số B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>426.761.675.125</b>	<b>405.339.851.960</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	158.894.860.735	151.499.633.302
Tiền	111		110.344.860.735	101.499.633.302
Các khoản tương đương tiền	112		48.550.000.000	50.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	90.000.000.000	68.550.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		90.000.000.000	68.550.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.865.003.986	96.142.776.733
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	73.597.404.975	75.206.436.468
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.465.623.520	2.091.678.067
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	42.367.036.727	37.569.723.434
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(18.565.061.236)	(18.725.061.236)
Hàng tồn kho	140		68.960.216.159	72.379.463.016
Hàng tồn kho	141	9	68.960.216.159	72.379.463.016
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.041.594.245	16.767.978.909
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	6.452.300.599	7.433.933.395
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.498.542	8.481.700.102
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	586.795.104	852.345.412
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>892.081.091.924</b>	<b>977.654.033.117</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	95.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	100.000.000	95.000.000
Tài sản cố định	220		826.679.266.664	924.381.107.818
Tài sản cố định hữu hình	221	11	819.482.856.912	917.310.204.828
- Nguyên giá	222		3.540.948.701.072	3.558.268.416.970
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.721.465.844.160)	(2.640.958.212.142)
Tài sản cố định vô hình	227	12	7.196.409.752	7.070.902.990
- Nguyên giá	228		9.402.021.630	9.071.285.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.205.611.878)	(2.000.382.878)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	14.955.455
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	14.955.455
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	753.000.000	753.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		753.000.000	753.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		64.548.825.260	52.409.969.844
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	64.548.825.260	52.409.969.844
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.318.842.767.049</b>	<b>1.382.993.885.077</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2023

Mẫu số B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>884.231.123.159</b>	<b>962.448.510.226</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>482.533.262.396</b>	<b>481.510.915.874</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	71.653.270.939	90.209.731.666
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.706.651.466	3.086.317.218
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	42.285.214.955	30.256.898.076
Phải trả người lao động	314		144.882.067.957	107.943.338.069
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	27.468.597.403	24.212.820.552
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	84.485.287.338	110.276.529.933
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	30.782.807.787	28.644.164.077
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	79.173.364.551	86.785.116.283
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		96.000.000	96.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>401.697.860.763</b>	<b>480.937.594.352</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17	3.792.726.400	3.801.326.400
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	397.905.134.363	477.136.267.952
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>434.611.643.890</b>	<b>420.545.374.851</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>434.611.643.890</b>	<b>420.545.374.851</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		800.589.700.000	800.589.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		800.589.700.000	800.589.700.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.012.266.363	3.012.266.363
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(368.990.322.473)	(383.056.591.512)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(383.056.591.512)	(388.843.847.637)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		14.066.269.039	5.787.256.125
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.318.842.767.049</b>	<b>1.382.993.885.077</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Đới Văn Toàn

Kế toán trưởng



Lương Văn Chiến

Tổng Giám đốc



Nguyễn Viết Hiệp



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	2.459.668.667.527	2.313.634.371.893
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.459.668.667.527	2.313.634.371.893
Giá vốn hàng bán	11	22	2.233.111.792.589	2.108.716.194.044
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		226.556.874.938	204.918.177.849
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	10.662.494.560	3.734.565.510
Chi phí tài chính	22	24	49.174.957.051	51.971.911.225
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		49.172.528.305	51.968.061.519
Chi phí bán hàng	25	25	153.468.024.852	143.979.883.568
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	39.858.928.591	45.077.139.808
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.282.540.996)	(32.376.191.242)
Thu nhập khác	31	27	21.534.954.301	40.728.757.314
Chi phí khác	32	28	2.186.144.266	2.565.309.947
Lợi nhuận khác	40		19.348.810.035	38.163.447.367
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.066.269.039	5.787.256.125
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.066.269.039	5.787.256.125
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	176	72
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	176	72

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Đới Văn Toàn

Kế toán trưởng



Lương Văn Chiến

Tổng Giám đốc




Nguyễn Viết Hiệp

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>14.066.269.039</b>	<b>5.787.256.125</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		101.344.334.172	141.492.916.240
Các khoản dự phòng	03		(160.000.000)	6.390.231.292
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(138.159)	(166.005)
Lãi hoạt động đầu tư	05		(19.435.326.482)	(31.369.666.215)
Chi phí lãi vay	06		49.172.528.305	51.968.061.519
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>144.987.666.875</b>	<b>174.268.632.956</b>
Giảm các khoản phải thu	09		4.719.628.780	52.379.308.428
Giảm hàng tồn kho	10		3.419.246.857	10.433.220.551
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.541.422.711	24.904.595.015
Tăng chi phí trả trước	12		(11.157.222.620)	(18.497.408.762)
Tiền lãi vay đã trả	14		(50.407.926.267)	(58.568.032.330)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>101.102.816.336</b>	<b>184.920.315.858</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.805.164.058)	(1.535.490.145)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.274.354.924	26.486.830.992
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(175.000.000.000)	(108.550.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		153.550.000.000	40.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.115.967.393	2.422.387.474
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.864.841.741)</b>	<b>(41.176.271.679)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	23.364.040.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(86.842.885.321)	(143.928.641.783)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(86.842.885.321)</b>	<b>(120.564.601.783)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>7.395.089.274</b>	<b>23.179.442.396</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>151.499.633.302</b>	<b>128.320.024.901</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		138.159	166.005
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>158.894.860.735</b>	<b>151.499.633.302</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Đới Văn Toàn

Kế toán trưởng



Lương Văn Chiến

Tổng Giám đốc



Nguyễn Viết Hiệp



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Mẫu số B 09-DN****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội tiền thân là Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 03/QĐ/ĐS-TCCB-LĐ ngày 07 tháng 7 năm 2003 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại 03 Xí nghiệp Liên hiệp vận tải đường sắt Khu vực 1, 2 và 3.

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Văn bản số 10293/VPCP-ĐMDN ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa tại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0116000010 ngày 10 tháng 9 năm 2003, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 6 số 0100106264 ngày 12 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 800.589.700.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.153 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.292 người).

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường sắt: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
- Vận tải hàng hóa đường sắt: Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện và thiết bị vận tải;
- Các dịch vụ khác liên quan đến việc tổ chức và thực hiện chuyên chở hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa bằng đường sắt;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng, kho hàng, bãi hàng, bãi đỗ xe, ki ốt, các cơ sở hạ tầng phục vụ văn hóa, thể thao;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, lưu kho, bảo quản hàng hóa;
- Kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn;
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ dịch vụ lưu trú ngắn ngày;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là (tiếp):

- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp các dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và các dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt.

**1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Theo Quyết định số 104/QĐ-HĐQT và Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đã ra quyết định về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Toa xe Hà Nội, sáp nhập vào Chi nhánh Toa xe hàng, chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Vận tải đường sắt Bim Sơn, sáp nhập vào Chi nhánh Vận tải đường sắt Vinh.

Danh sách các đơn vị trực thuộc của Công ty:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Đoàn tiếp viên Đường sắt Hà Nội	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Toa xe hàng Hà Nội	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt, sửa chữa toa xe
Chi nhánh Toa xe Vinh	Tỉnh Nghệ An	Dịch vụ sửa chữa toa xe
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đông Anh	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Hải Phòng	TP. Hải Phòng	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Hà Nội	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Vinh	Tỉnh Nghệ An	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Huế	Tỉnh Quảng Bình	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt phía Nam	Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Dịch vụ Vận tải Đa phương thức	TP. Hà Nội	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

**1.5. TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và hoàn toàn có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu, chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc, văn phòng Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính Công ty.

**2.2. NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**2.3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****3.1. GIÁ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại ngày 31/12/2023, tổng giá trị các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 55.771.587.271 VND lỗ lũy kế của Công ty là 368.990.322.473 VND. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong 12 tháng tới. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách, hàng hóa trên tuyến đường sắt Quốc gia, với hoạt động đặc thù này, Công ty đang từng bước cải thiện tình hình kinh doanh: doanh thu tăng trưởng và kinh doanh có lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh; các hoạt động đầu tư, cải tiến năng lực vận tải đang tiếp tục triển khai cùng với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (cổ đông chiếm 91,6% vốn điều lệ) và Bộ Giao thông vận tải. Với các cơ chế, chiến lược và kế hoạch kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty đủ nguồn tiền đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn, cũng như đảm bảo nguồn vốn đầu tư để Công ty tiếp tục phát triển trong các năm tiếp theo.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01-21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021 và Thông báo số 14/TB-VPCP ngày 12/01/2022 của Văn phòng chính phủ, Văn bản số 303/TTg-ĐMDN của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 07/04/2022 đã nhất trí thông qua chủ trương hợp nhất Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, phương án cụ thể và hình thức hợp nhất chưa được ban hành.

Theo đó, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu thập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư và công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên, giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng; đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và không điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO (TIẾP)**

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 20
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	5

Các khoản lãi, lỗ khi phát sinh thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo Công văn số 2480/BTC-TCĐN ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính: Bộ Tài chính thống nhất việc điều chỉnh thời gian trích khấu hao của 250 toa xe chở container (mới) tối đa là 30 năm và 60 toa xe khách (mới) tối đa là 25 năm đối với Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2023 (thời điểm Công ty phải thanh lý hết số toa xe cũ hết niên hạn sử dụng). Việc kéo dài thời gian trích khấu hao của tài sản cố định là toa xe bảo đảm các quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, đồng thời đảm bảo kinh doanh có lãi và nguồn vốn để thanh toán nợ.

Áp dụng Công văn trên, Công ty đã thực hiện điều chỉnh thời gian trích khấu hao của 250 toa xe chở container (mới) và 60 toa xe khách (mới) là 20 năm, áp dụng bắt đầu từ năm 2019 (thời gian khấu hao của các toa xe trên trong năm 2018 trở về trước là 15 năm). Việc thay đổi thời gian khấu hao trên dẫn đến chi phí khấu hao năm 2023 thấp hơn 12.563.293.623 VND so với việc áp dụng số năm hữu dụng ước tính từ năm 2018 trở về trước, giá trị này được trích khấu hao vào các năm tương ứng thời gian giãn khung. Tổng giá trị khấu hao chênh lệch nêu trên lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 62.816.468.115 VND sẽ được trích khấu hao bổ sung vào các năm tương lai (từ năm 2024).

**3.8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Các tài sản cố định vô hình này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

**3.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

*Chi phí tương ứng doanh thu chưa thực hiện:* Bao gồm các khoản chi phí trực tiếp đã phát sinh trong quá trình bán vé tàu như: Hoa hồng các đại lý bán vé, chi phí sử dụng phần mềm bán vé điện tử, chi phí in ấn hóa đơn, phôi vé, phiếu lên tàu và các chi phí khác phát sinh khác (không bao gồm các chi phí bảo hiểm, kinh phí công đoàn, chi phí khấu hao, chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí thuê đất và sử dụng đất) tại chi nhánh vận tải tương ứng với phần doanh thu bán vé chưa thực hiện vận tải.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)**

*Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng:* Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí tương ứng doanh thu chưa thực hiện và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm (đối với chi phí trả trước ngắn hạn) và từ một năm trở lên (đối với chi phí trả trước dài hạn).

*Chi phí sửa chữa tài sản cố định:* chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm. Công ty thực hiện phân bổ theo ngày kể từ ngày toa xe nghiệm thu hoàn thành ra xưởng và sẵn sàng đưa vào sử dụng, với ước tính tổng thời gian phân bổ là 03 năm (tương ứng 1.095 ngày), giá trị phân bổ được tính theo số ngày phân bổ trong năm.

*Các khoản chi phí trả trước khác:* Được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

**3.10. NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**3.11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.12 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của Chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại các tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**3.14 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch & chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.15 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty còn khoản lỗ lũy kế là 228.027.247.433 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam: Công ty mẹ sở hữu 91,62% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam: cùng Chủ sở hữu - Công ty mẹ;
- Các công ty liên kết của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng Công ty.

Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.416.749.615	2.497.542.655
Tiền gửi ngân hàng	108.928.111.120	98.983.850.647
Tiền đang chuyển	-	18.240.000
Các khoản tương đương tiền (i)	48.550.000.000	50.000.000.000
	<b><u>158.894.860.735</u></b>	<b><u>151.499.633.302</u></b>

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng hưởng lãi suất từ 3,55%/năm - 4,2%/năm tại các ngân hàng thương mại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	90.000.000.000	90.000.000.000	68.550.000.000	68.550.000.000
	90.000.000.000	90.000.000.000	68.550.000.000	68.550.000.000
	<b>90.000.000.000</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>68.550.000.000</b>	<b>68.550.000.000</b>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng hưởng lãi suất từ 6,4%/năm - 8,8%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>753.000.000</b>	-		<b>753.000.000</b>	-	
- Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	738.400.000	-	(*)	738.400.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực I	14.600.000	-	(*)	14.600.000	-	(*)
	<b>753.000.000</b>	-		<b>753.000.000</b>	-	

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này. Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	14.024.709.822	6.167.155.190
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực I	9.549.953.924	9.609.953.924
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Vận tải GND Việt Nam	4.601.772.000	14.436.810.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Hòa Phát	4.227.586.600	8.391.737.344
Các khoản phải thu khách hàng khác	41.193.382.629	36.600.780.010
	<b>73.597.404.975</b>	<b>75.206.436.468</b>

Trong đó, phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số 34.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>42.367.036.727</b>	<b>(7.260.191.292)</b>	<b>37.569.723.434</b>	<b>(7.260.191.292)</b>
Tạm ứng	585.159.198	-	468.703.587	-
Ký cược, ký quỹ	1.140.720.000	-	2.866.936.000	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội	4.562.714	-	7.874.227	-
Phải thu Kinh phí công đoàn	2.618.874	-	3.803.282	-
Phải thu khác:	40.633.975.941	(7.260.191.292)	34.222.406.338	(7.260.191.292)
- Phải thu khác về chi phí chuyển tải do sự cố sập Cầu Ghềnh (i)	4.729.141.376	(4.729.141.376)	4.729.141.376	(4.729.141.376)
- Phải thu chi phí giải quyết sự cố tai nạn tàu SE2 (i)	1.704.511.200	(1.704.511.200)	1.704.511.200	(1.704.511.200)
- Phải thu chi phí giải quyết sự cố tai nạn khác	896.120.740	(826.538.716)	832.701.158	(826.538.716)
- Phải thu về lãi tiền gửi	2.910.932.932	-	1.368.828.767	-
- Tiền bán vé qua hệ thống bán vé điện tử do đối tác thu hộ	9.030.986.120	-	4.120.751.889	-
- Phải thu về tiền BHXH, BHYT, BHTN (ii)	1.028.201.622	-	997.070.806	-
- Phải thu tại các ga (iii)	12.505.716.387	-	14.211.068.796	-
- Các đối tượng phải thu khác	7.828.365.564	-	6.258.332.346	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>95.000.000</b>	<b>-</b>
Ký quỹ, ký cược	100.000.000	-	95.000.000	-
	<b>42.467.036.727</b>	<b>(7.260.191.292)</b>	<b>37.664.723.434</b>	<b>(7.260.191.292)</b>

Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 34.1.

- (i) Là các chi phí phát sinh liên quan đến việc khắc phục sự cố sập Cầu Ghềnh (thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai) và tai nạn tàu SE2 với số tiền lần lượt là 4.729.141.376 đồng và 1.704.511.200 đồng chưa được xử lý do chưa có kết quả phán quyết của cơ quan có thẩm quyền về xử lý sự cố cũng như trách nhiệm bồi thường của các bên liên quan. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh được duyệt ngày 27/04/2022.
- (ii) Là khoản BHXH, BHYT, BHTN phải thu của người lao động sẽ được thu tại thời điểm thanh toán lương.
- (iii) Bao gồm cước vận chuyển đã thu nhưng chưa nộp về Công ty là 4.204.787.336 đồng và cước vận chuyển chưa thu tại các ga, trạm là 8.300.929.051 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. NỢ XẤU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực I	9.549.953.924	-	9.609.953.924	-
Chi phí tai nạn giao thông đường sắt: Sập Cầu Ghềnh năm 2016	4.729.141.376	-	4.729.141.376	-
Chi phí tai nạn giao thông đường sắt: Tàu SE 2 năm 2018	1.704.551.200	-	1.704.551.200	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải	917.571.320	-	917.571.320	-
Chi phí tai nạn giao thông đường sắt: Tàu SE 19 năm 2017	826.538.716	-	826.538.716	-
Công ty Cổ phần DAP số 2	415.224.900	-	515.224.900	-
Công ty Cổ phần Bê tông Bảo Quân Vĩnh Phúc	186.459.800	-	186.459.800	-
Các đối tượng khác	235.620.000	-	235.620.000	-
	<b>18.565.061.236</b>	<b>-</b>	<b>18.725.061.236</b>	<b>-</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	65.518.393.005	-	70.614.333.341	-
Công cụ, dụng cụ	1.071.985.954	-	830.928.532	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.539.720.810	-	204.222.505	-
Thành phẩm	574.535.037	-	573.091.651	-
Hàng hóa	255.581.353	-	156.886.987	-
	<b>68.960.216.159</b>	<b>-</b>	<b>72.379.463.016</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6.452.300.599</b>	<b>7.433.933.395</b>
- Chi phí tương ứng doanh thu chưa thực hiện (i)	4.126.228.201	6.249.082.489
- Chi phí in vé	160.052.020	61.657.300
- Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác	2.166.020.378	1.123.193.606
<b>b) Dài hạn</b>	<b>64.548.825.260</b>	<b>52.409.969.844</b>
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh năm 2023	30.979.616.506	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh năm 2022	24.939.112.001	38.938.688.578
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh năm 2021	1.761.076.001	5.896.684.442
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh năm 2020	-	4.525.074.261
- Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác	6.869.020.752	3.049.522.563
	<b>71.001.125.859</b>	<b>59.843.903.239</b>

- (i) Là các khoản chi phí trực tiếp đã phát sinh trong quá trình bán vé tàu như: Hoa hồng các đại lý bán vé, chi phí sử dụng phần mềm bán vé điện tử, chi phí in ấn hóa đơn, phôi vé, phiếu lên tàu và các chi phí khác phát sinh (không bao gồm các chi phí bảo hiểm, kinh phí công đoàn, chi phí khấu hao, chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí thuê đất và sử dụng đất) tại chi nhánh vận tải tương ứng với phần doanh thu bán vé chưa thực hiện vận tải tại ngày 31/12/2023.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
01/01/2023	109.087.022.776	257.814.835.241	3.183.676.322.491	7.660.236.462	30.000.000	3.558.268.416.970
Mua mới trong năm	-	705.625.855	1.067.448.821	181.142.727	-	1.954.217.403
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	854.639.853	-	-	-	-	854.639.853
Tặng khác	502.900.000	-	-	-	-	502.900.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(20.631.473.154)	-	-	(20.631.473.154)
31/12/2023	<u>110.444.562.629</u>	<u>258.520.461.096</u>	<u>3.164.112.298.158</u>	<u>7.841.379.189</u>	<u>30.000.000</u>	<u>3.540.948.701.072</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
01/01/2023	(83.149.896.210)	(241.511.819.377)	(2.308.810.102.068)	(7.456.394.487)	(30.000.000)	(2.640.958.212.142)
Khấu hao trong năm	(3.481.466.866)	(4.952.181.028)	(92.611.567.667)	(93.889.611)	-	(101.139.105.172)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	20.631.473.154	-	-	20.631.473.154
31/12/2023	<u>(86.631.363.076)</u>	<u>(246.464.000.405)</u>	<u>(2.380.790.196.581)</u>	<u>(7.550.284.098)</u>	<u>(30.000.000)</u>	<u>(2.721.465.844.160)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>						
01/01/2023	<u>25.937.126.566</u>	<u>16.303.015.864</u>	<u>874.866.220.423</u>	<u>203.841.975</u>	<u>-</u>	<u>917.310.204.828</u>
31/12/2023	<u>23.813.199.553</u>	<u>12.056.460.691</u>	<u>783.322.101.577</u>	<u>291.095.091</u>	<u>-</u>	<u>819.482.856.912</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 số tiền là: 1.755.384.963.727 đồng (tại ngày 01/01/2023 là: 1.481.877.688.730 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2023 số tiền là: 758.886.345.042 đồng (tại ngày 01/01/2023 là: 831.445.169.636 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
01/01/2023	8.416.285.868	508.000.000	147.000.000	9.071.285.868
Nâng cấp phần mềm	-	330.735.762	-	330.735.762
Giảm khác	-	-	-	-
31/12/2023	<u>8.416.285.868</u>	<u>838.735.762</u>	<u>147.000.000</u>	<u>9.402.021.630</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
01/01/2023	(1.345.382.878)	(508.000.000)	(147.000.000)	(2.000.382.878)
Khấu hao trong năm	(168.079.000)	(37.150.000)	-	(205.229.000)
Giảm khác	-	-	-	-
31/12/2023	<u>(1.513.461.878)</u>	<u>(545.150.000)</u>	<u>(147.000.000)</u>	<u>(2.205.611.878)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
01/01/2023	<u>7.070.902.990</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.070.902.990</u>
31/12/2023	<u>6.902.823.990</u>	<u>293.585.762</u>	<u>-</u>	<u>7.196.409.752</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 số tiền là: 330.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 655.000.000 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	12.261.445.966	12.261.445.966	29.906.993.858	29.906.993.858
Công ty TNHH Vận tải Thuận Việt	8.210.056.090	8.210.056.090	9.872.951.325	9.872.951.325
Phải trả cho các đối tượng khác	51.181.768.883	51.181.768.883	50.429.786.483	50.429.786.483
	<b>71.653.270.939</b>	<b>71.653.270.939</b>	<b>90.209.731.666</b>	<b>90.209.731.666</b>

Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 34.1.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	791.653.283	55.910.157.948	51.855.143.933	4.846.667.298
- Thuế thu nhập cá nhân	75.006.395	456.330.226	498.576.190	32.760.431
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	26.410.059.741	9.072.924.017	2.436.684.665	33.046.299.093
- Các khoản thuế khác	-	20.822.628	20.822.628	-
- Các khoản phí và lệ phí khác (ii)	2.980.178.657	129.515.184.160	128.135.874.684	4.359.488.133
	<b>30.256.898.076</b>	<b>194.975.418.979</b>	<b>182.947.102.100</b>	<b>42.285.214.955</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (TIẾP)****a) Phải nộp (tiếp)**

- (i) Các khoản tiền thuê đất và thuế đất được Công ty ghi nhận theo thông báo của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và thông báo của Cơ quan thuế. Chi phí tiền thuê đất và thuế đất của Công ty có thể thay đổi tùy thuộc vào thông báo chính thức của cơ quan thuế có thẩm quyền (cụ thể xem tại Thuyết minh số 34.2).

Từ năm 2019 đến nay, Công ty không nhận được thông báo của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về thông báo tiền thuê đất tại 551 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội, theo đó, Công ty đang hạch toán chi phí thuê đất theo đơn giá năm 2018.

- (ii) Phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt.

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	17.223.174	17.223.174
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	406.303.028	-	-	406.303.028
- Thuế thu nhập cá nhân	420.824.384	924.101.093	666.545.611	163.268.902
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	25.218.000	88.833.822	63.615.822	-
	<b>852.345.412</b>	<b>1.012.934.915</b>	<b>747.384.607</b>	<b>586.795.104</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí điều hành giao thông vận tải	22.311.781.817	18.103.522.612
Lãi vay	2.985.270.244	4.220.668.206
Các khoản trích trước khác	4.601.772.000	1.888.629.734
	<b>27.468.597.403</b>	<b>24.212.820.552</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền vé đã bán đi sau niên độ (i)	84.482.079.000	110.252.963.000
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	3.208.338	23.566.933
	<b>84.485.287.338</b>	<b>110.276.529.933</b>

(i) Khoản đã thu tiền bán vé trong năm nhưng khách hàng sử dụng dịch vụ vận tải trong năm sau.

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>30.782.807.787</b>	<b>28.644.164.077</b>
Kinh phí công đoàn	-	211.648
Bảo hiểm xã hội	-	3.185.364
Bảo hiểm y tế	-	26.208
Bảo hiểm thất nghiệp	-	11.648
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.111.223.117	2.207.394.467
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.671.584.670	26.433.334.742
- Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển	18.267.444.877	18.267.444.877
Hàng hóa Ý Minh (i)		
- Tiền cước vận chuyển hàng hóa nộp trước còn thừa	4.851.316.603	4.226.678.358
so với giấy báo thu cho các ga (tiền thừa giấy báo thu)		
- Phải trả trợ cấp thôi việc	1.136.354.750	792.375.898
- Thu vận tải về hành khách bảo lưu (ii)	1.015.474.000	1.509.642.000
- Phải trả các khoản ký quỹ, ký cược hết thời hạn	2.110.000.000	-
- Các đối tượng phải trả khác	2.290.994.440	1.637.193.609
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.792.726.400</b>	<b>3.801.326.400</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.792.726.400	3.801.326.400
	<b>68.039.845.257</b>	<b>62.680.151.619</b>

(i) Khoản phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển hàng hóa Ý Minh về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16/12/2008 và tiền khai thác 51 toa xe từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019 theo bản án số 177/2021/KDTM-PT ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội (cụ thể xem tại Thuyết minh số 34.4.).

(ii) Số tiền phải trả liên quan đến việc bảo lưu vé của khách hàng với kỳ hạn 90 ngày hoặc 365 ngày.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>79.173.364.551</b>	<b>79.173.364.551</b>	<b>79.231.133.589</b>	<b>86.842.885.321</b>	<b>86.785.116.283</b>	<b>86.785.116.283</b>
- Vay dài hạn đến hạn trả	79.173.364.551	79.173.364.551	79.231.133.589	86.842.885.321	86.785.116.283	86.785.116.283
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	26.584.454.891	26.584.454.891	26.642.223.929	26.583.002.661	26.525.233.623	26.525.233.623
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (ii)	8.847.284.320	8.847.284.320	8.847.284.320	8.847.284.320	8.847.284.320	8.847.284.320
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - CN Hà Nội (iii)	22.172.085.340	22.172.085.340	22.172.085.340	29.843.058.340	29.843.058.340	29.843.058.340
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng (iv)	21.569.540.000	21.569.540.000	21.569.540.000	21.569.540.000	21.569.540.000	21.569.540.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>397.905.134.363</b>	<b>397.905.134.363</b>	-	<b>79.231.133.589</b>	<b>477.136.267.952</b>	<b>477.136.267.952</b>
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	-	-	-	26.642.223.929	26.642.223.929	26.642.223.929
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (ii)	44.236.421.597	44.236.421.597	-	8.847.284.320	53.083.705.917	53.083.705.917
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - CN Hà Nội (iii)	197.191.876.725	197.191.876.725	-	22.172.085.340	219.363.962.065	219.363.962.065
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng (iv)	156.476.836.041	156.476.836.041	-	21.569.540.000	178.046.376.041	178.046.376.041
	<b>477.078.498.914</b>	<b>477.078.498.914</b>	<b>79.231.133.589</b>	<b>166.074.018.910</b>	<b>563.921.384.235</b>	<b>563.921.384.235</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	79.173.364.551	86.785.116.283
Trong năm thứ hai	52.807.608.660	87.415.579.585
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	105.615.217.320	182.976.163.980
Sau năm năm	239.482.308.383	206.744.524.387
	<b>477.078.498.914</b>	<b>563.921.384.235</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	79.173.364.551	86.785.116.283
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>397.905.134.363</b>	<b>477.136.267.952</b>

(i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam bao gồm 02 khoản vay theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 111/2016/002/HĐTD ngày 12 tháng 7 năm 2016. Hạn mức cho vay là 233.600.000.000 VND nhưng không vượt quá 80% tổng giá trị đầu tư trong vòng 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn đầu tư đóng mới 250 toa xe M Container. Thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay 6,5%/năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất định kỳ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần nhưng không quá 6,5%/năm; từ năm thứ 2 lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng trung bình lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau công bố của 4 ngân hàng: Vietcombank, Vietinbank, BIDV và VIB + biên độ 1,8%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 086/2017/002/HĐTD ngày 14 tháng 02 năm 2017. Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 VND. Mục đích vay để đầu tư hoán cải, nâng cấp 28 toa xe B80 không điều hòa không khí thành toa xe A64 ghế ngồi lắp điều hòa không khí. Thời hạn rút vốn 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay 6,5%/năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất định kỳ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần nhưng không quá 6,5%/năm; từ năm thứ 2 lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng trung bình lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau công bố của 4 ngân hàng: Vietcombank, Vietinbank, BIDV và VIB + biên độ 1,8%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3855530/HĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Mục đích để thanh toán cho dự án hoán cải, nâng cấp 45 toa xe khách. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 9%/năm sau đó được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần theo thông báo của Ngân hàng và thực hiện theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 3 ngân hàng: BIDV, Vietcombank, Vietinbank + biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2019/3855530/HĐBĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (iii) Khoản vay dài hạn từ Thương mại Cổ phần Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (trước đây là Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội) bao gồm 02 khoản vay theo các hợp đồng:
- Vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 108.1866/2017/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 19 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức cho vay là 270.000.000.000 VND nhưng không vượt quá 85% tổng mức đầu tư trước thuế của dự án “Đóng mới 30 toa xe khách”. Thời hạn cho vay là 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo quy định của PG Bank tại thời điểm giải ngân chi tiết theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán và thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 30 toa xe. Phương thức cho vay từng lần theo dự án đầu tư. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ của 30 toa xe khách hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng số 06/2017/VTHN-XLDA-ĐTSC-TXHP- XLGL ký ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa bên vay và Liên danh nhà thầu bao gồm: Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An, Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm, Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng và Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm. Theo thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ ngày 26 tháng 8 năm 2020, Công ty đã điều chỉnh 3.360.051.000 VND khoản vay ngắn hạn đến hạn trả sang vay dài hạn.
  - Vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 108.1369/2020/HĐTD-PN/PGBankHn ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội. Số tiền cho vay là 92.600.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo quy định của PG Bank tại thời điểm giải ngân chi tiết theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán và thanh toán bù đắp chi phí đóng mới 100 toa xe H khổ đường 1000mm. Phương thức cho vay từng lần theo dự án đầu tư. Biện pháp bảo đảm tiền vay: 100 toa xe H khổ đường 1000mm hình thành từ vốn vay thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình “Đóng mới toa xe hàng - 100 toa xe H khổ đường 1000mm” theo Quyết định số 98/QĐ-HDQT ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội về việc phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng công trình “Đóng mới toa xe hàng - 100 toa xe H khổ đường 1000mm”.
- (iv) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 02 khoản vay theo các hợp đồng:
- Vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2018/VCB-ĐSHN ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Mục đích để thanh toán cho dự án đóng mới 30 toa xe thuộc dự án “Đầu tư mới 30 toa xe khách vận chuyển trên tuyến Hà Nội - Hồ Chí Minh”. Thời hạn cho vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất năm đầu tiên là 9%/năm, lãi suất từ năm thứ 2 trở đi là bình quân lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả sau của 3 ngân hàng: Vietinbank, BIDV và Vietcombank + biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01/2018/VCB-ĐSHN-PTGT ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (iv) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 02 khoản vay theo các hợp đồng (tiếp):
- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2019/VCB-ĐSHN ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Mục đích để thanh toán cho dự án cải tạo nâng cấp 30 toa xe khách. Hạn mức cho vay là 76.823.000.000 VND. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 9%/năm sau đó được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo thông báo của ngân hàng và thực hiện theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả sau bình quân của 3 ngân hàng: Vietinbank, BIDV và Vietcombank trong từng thời kỳ + 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường sắt số 01.2019/HĐTC/VCB-ĐSHN ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	800.589.700.000	3.012.266.363	(388.843.847.637)	414.758.118.726
- Lãi trong năm trước	-	-	5.787.256.125	5.787.256.125
31/12/2022	<u>800.589.700.000</u>	<u>3.012.266.363</u>	<u>(383.056.591.512)</u>	<u>420.545.374.851</u>
01/01/2023	<u>800.589.700.000</u>	<u>3.012.266.363</u>	<u>(383.056.591.512)</u>	<u>420.545.374.851</u>
- Lãi trong năm nay	-	-	14.066.269.039	14.066.269.039
31/12/2023	<u>800.589.700.000</u>	<u>3.012.266.363</u>	<u>(368.990.322.473)</u>	<u>434.611.643.890</u>

**19.2. CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số tiền góp vốn VND	Tỷ lệ %	Số tiền góp vốn VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	733.521.960.000	91,62%	733.521.960.000	91,62%
Các cổ đông khác	67.067.740.000	8,38%	67.067.740.000	8,38%
	<u>800.589.700.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>800.589.700.000</u>	<u>100,00%</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19.3. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC CHIA LỢI NHUẬN**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Vốn góp của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	800.589.700.000	800.589.700.000
- Vốn góp cuối năm	800.589.700.000	800.589.700.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

**19.4. CỔ PHIẾU**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.058.970	80.058.970
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	80.058.970	80.058.970
- Cổ phiếu phổ thông	80.058.970	80.058.970
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.058.970	80.058.970
- Cổ phiếu phổ thông	80.058.970	80.058.970
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
a) Ngoại tệ các loại (USD)	214,20	214,20
b) Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.950.015.361	2.950.015.361

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.458.988.928.258	2.312.325.542.893
- Doanh thu vận tải	2.252.697.092.100	2.079.958.038.017
- Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải	206.291.836.158	232.367.504.876
Doanh thu bán hàng khác	679.739.269	1.308.829.000
	<u>2.459.668.667.527</u>	<u>2.313.634.371.893</u>

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 34.1.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.232.432.053.320	2.107.425.565.044
- Giá vốn hoạt động vận tải	2.043.125.614.940	1.892.032.212.373
- Giá vốn hoạt động hỗ trợ vận tải	189.306.438.380	215.393.352.671
Giá vốn bán hàng khác	679.739.269	1.290.629.000
	<b>2.233.111.792.589</b>	<b>2.108.716.194.044</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.658.071.558	3.734.339.529
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.423.002	225.981
	<b>10.662.494.560</b>	<b>3.734.565.510</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	49.172.528.305	51.968.061.519
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.428.746	3.849.706
	<b>49.174.957.051</b>	<b>51.971.911.225</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>39.858.928.591</b>	<b>45.077.139.808</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	23.949.077.396	24.658.833.963
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	1.748.970.368	1.659.135.021
- Chi phí khấu hao TSCĐ	874.554.156	1.081.349.000
- Thuế, phí và lệ phí	61.342.454	57.776.142
- (Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(160.000.000)	6.390.231.292
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.752.010.554	2.732.959.234
- Chi phí bằng tiền khác	10.632.973.663	8.496.855.156
<b>b) Chi phí bán hàng</b>	<b>153.468.024.852</b>	<b>143.979.883.568</b>
- Chi phí nhân viên	88.925.096.763	90.599.318.815
- Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	8.796.266.170	7.311.929.088
- Chi phí khấu hao TSCĐ	996.352.448	1.567.625.106
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.638.432.803	30.703.952.151
- Chi phí bằng tiền khác	16.111.876.668	13.797.058.408

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	209.015.589.728	170.979.823.575
Chi phí nhân công	431.171.068.816	415.421.830.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.344.334.172	141.492.916.240
Thuế, phí và lệ phí	138.107.294.470	111.636.513.598
(Hoàn nhập)/ Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(160.000.000)	6.390.231.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	330.804.193.997	298.838.505.761
Chi phí điều hành giao thông vận tải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.142.845.919.000	1.080.175.293.612
Chi phí bằng tiền khác	72.630.606.580	90.793.801.479
	<b>2.425.759.006.763</b>	<b>2.315.728.915.902</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu phí trả vé tàu, thu phạt vi phạm hợp đồng	8.388.136.752	6.195.408.579
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (i)	7.134.984.186	27.085.326.686
Thanh lý vật tư phụ tùng	3.316.050.190	6.729.988.095
Thu nhập từ xóa nợ phải trả	1.122.410.000	-
Tặng tài sản từ hợp tác đầu tư (ii)	502.900.000	-
Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra thuế (iii)	1.022.386.635	-
Các khoản thu nhập khác	48.086.538	718.033.954
	<b>21.534.954.301</b>	<b>40.728.757.314</b>

(i) Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

(ii) Tặng tài sản “Nhà kho tại đường 61 và 62 ga Sóng Thần” từ nhận bàn giao sau hợp tác đầu tư.

(iii) Các khoản ghi nhận thu nhập khác tương ứng với phần giảm chi phí không được trừ theo kết quả kiểm tra thuế.

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thanh lý vật tư phụ tùng	1.208.879.551	2.003.183.533
Chi phí bồi thường, phạt hành chính	223.512.538	-
Các khoản chi phí khác	753.752.177	562.126.414
	<b>2.186.144.266</b>	<b>2.565.309.947</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.066.269.039	5.787.256.125
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	2.114.535.453	1.097.559.835
- Các khoản tiền phạt và chi phí không hợp lệ khác	2.114.535.453	68.971.941
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	-	1.028.587.894
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	16.180.804.492	6.884.815.960
- Chuyển lỗ các năm trước	16.180.804.492	6.884.815.960
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu thập doanh nghiệp	14.066.269.039	5.787.256.125
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>14.066.269.039</b>	<b>5.787.256.125</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	80.058.970	80.058.970
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>176</b>	<b>72</b>

**31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, do đó Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các khoản lỗ lũy kế	(228.027.247.433)	(244.208.051.925)

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2023 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng trên Báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh	Thời hạn chuyển	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ đã chuyển VND	Số lỗ còn được chuyển VND	Số lỗ đã hết hạn	Tình trạng
2020	2021-2025	154.753.788.604	16.180.804.492	138.572.984.112	-	Đã quyết toán
2021	2022-2026	89.454.263.321	-	89.454.263.321	-	Đã quyết toán
		<b>244.208.051.925</b>	<b>16.180.804.492</b>	<b>228.027.247.433</b>		

**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đường sắt, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động kinh doanh và trong tổng tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****34.1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Ga Đồng Đăng	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lạng	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lào	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Nội	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thái Hải	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thanh	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Lào Cai	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghĩa Bình	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Phú Khánh	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Sài Gòn	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Đà Nẵng	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Hà Nội	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Sài Gòn	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Vinh	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Yên Viên	Chi nhánh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Trung tâm Y tế Đường sắt	Chi nhánh của Công ty mẹ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****34.1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau (tiếp):

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đá Đồng Mô	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường Sắt Thuận Hải	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Nha Trang	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Đoàn tiếp viên Đường sắt Phương Nam	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Đoàn tiếp viên Đường sắt Phương Nam	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Miền bắc	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Đà Nẵng	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Sài Gòn	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đà Nẵng	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh vận tải đường sắt Miền Bắc	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Công ty mẹ
Trường Cao đẳng Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	Công ty mẹ là cổ đông của Công ty này



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****34.1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>111.592.312.344</b>	<b>122.030.933.782</b>
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	942.042.154	-
- Tổng Công ty Đường sắt Việt nam	20.323.066.523	17.796.541.385
- Tổng Công ty Đường sắt Việt nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Vinh	521.376.000	280.530.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Sài Gòn	19.200.000	2.657.407
- Tổng Công ty Đường sắt Việt nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Hà Nội	47.875.000	37.350.000
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội	22.590.000	5.720.000
- Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	8.134.000	29.502.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	8.340.000	25.000.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	61.790.130.000	71.069.382.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Miền Bắc	100.800.000	123.800.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sài Gòn	78.000.000	78.000.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh toa xe Đà Nẵng	17.804.219	4.948.400
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Đoàn tiếp viên Đường sắt Phương Nam	14.081.818	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Sài Gòn	13.182.311.630	12.343.886.177
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Nội	-	9.900.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Đà Nẵng	-	8.700.000
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	-	3.920.000
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	14.516.561.000	20.211.096.413

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**34.1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (tiếp):

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng và dịch vụ</b>	<b>1.259.293.111.070</b>	<b>1.240.611.486.223</b>
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.172.564.048.603	1.119.864.909.411
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lào	88.894.702	83.479.710
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lạng	101.316.902	272.467.770
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh	745.923.107	728.527.644
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Nội	5.833.511.109	4.889.045.679
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thanh	197.744.752	214.109.171
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thái Hải	959.837.169	848.416.877
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Lào Cai	141.403.300	97.656.900
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Phú Khánh	22.660.296	21.543.820
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghĩa Bình	84.238.059	39.254.010
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế	510.000.661	423.164.983
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Sài Gòn	235.574.916	218.589.600
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Ga Đồng Đăng	134.163.760	153.035.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Trung tâm Y tế Đường sắt	132.920.370	343.085.185
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Vinh	106.015.666	38.549.267
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Sài Gòn	109.468.278	-
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	4.272.518.123	2.683.703.655
- Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	2.770.888.473	2.145.403.758
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	45.574.601.841	79.276.512.309
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Đà Nẵng	125.465.383	1.779.247.292



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****34.1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (tiếp):

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Mua hàng và dịch vụ (tiếp)</b>		
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Nha Trang	10.065.656	1.636.363
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Đoàn tiếp viên Đường sắt Phương Nam	291.600.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Sài Gòn	17.761.880.860	15.372.499.058
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	237.365.500	150.930.000
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	167.056.000	31.030.000
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	1.478.754.652	2.966.684.932
- Công ty Cổ phần Đường Sắt Thuận Hải	1.296.296	-
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Yên Viên	-	2.340.398.438
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Đà Nẵng	-	9.806.390
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đà Nẵng	-	6.350.000
- Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	59.272.727	23.350.000
- Trường Cao đẳng Đường sắt	131.090.909	312.200.000
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	4.443.533.000	5.275.899.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31/12/2023 như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>13.168.831.212</b>	<b>15.786.128.463</b>
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Vinh	70.385.760	60.594.480
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Hà Nội	8.910.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Đà Nẵng	5.685.448	1.832.600
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Miền bắc	9.072.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	3.524.824.080	6.113.747.459
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	9.549.953.924	9.609.953.924

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****34.1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31/12/2023 như sau (tiếp):

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>5.390.000</b>	<b>5.390.000</b>
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Sài Gòn	5.390.000	5.390.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	-	<b>640.640.160</b>
- Công ty Cổ phần Đá Đồng Mô	-	379.243.440
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	-	261.396.720
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>23.046.826.205</b>	<b>43.772.931.532</b>
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	544.970.255	1.788.741.102
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	124.000.200	53.918.460
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội	147.000.000	147.000.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	12.261.445.966	29.906.993.858
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lạng	11.664.000	16.556.400
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh	61.212.410	50.125.897
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Nội	263.348.269	68.515.021
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thái Hải	25.324.114	32.725.927
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Hà Nội	447.153.890	232.936.242
- Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	338.846.669	200.500.800
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	6.708.964.855	8.956.996.188
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Đà Nẵng	17.109.612	68.576.132
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Sài Gòn	2.089.899.965	2.246.214.505
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	686.000	3.131.000
- Trường Cao đẳng Đường sắt	5.200.000	-
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>67.234.000</b>	<b>32.473.000</b>
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	67.234.000	32.473.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	-	<b>20.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	-	20.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****34.1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>965.772.568</b>	<b>894.663.775</b>
- Ông Đỗ Văn Hoan	362.582.868	333.050.338
- Ông Lê Minh Tuấn	298.940.206	279.301.677
- Ông Nguyễn Tiến Hiệp	304.249.494	282.311.760
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>908.387.261</b>	<b>1.009.485.266</b>
- Ông Nguyễn Viết Hiệp	330.323.196	308.732.261
- Bà Phùng Thị Lý Hà	-	151.102.325
- Bà Nguyễn Hồng Linh	289.110.742	279.359.294
- Ông Vương Khả Sơn	-	3.230.170
- Ông Trần Văn Nam	288.953.323	267.061.216
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>326.462.226</b>	<b>845.841.362</b>
- Bà Trần Thị Tú Anh	273.311.222	248.529.374
- Bà Vương Phương Thảo	26.789.856	294.976.010
- Ông Lê Trần Hùng	26.361.148	302.335.978
<b>Kế toán trưởng</b>	<b>272.703.944</b>	<b>251.357.510</b>
- Ông Lương Văn Chiến	272.703.944	251.357.510

**34.2. QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT TẠI CÔNG TY**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội, sau cổ phần hóa, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ khoảng 91,6% vốn điều lệ của Công ty; đồng thời, một số lô đất được giao, được thuê sử dụng chuyển giao cổ phần hóa tính vào vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty đang do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam ký kết và chưa được chuyển giao ký lại các hợp đồng thuê đất trực tiếp giữa Công ty và Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương. Theo đó, ngoài tiền thuê đất, tiền thuế đất phải nộp trực tiếp cho Cơ quan thuế, Công ty phải nộp tiền thuê đất, tiền thuế đất thông qua Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

**34.3. THÔNG TIN SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01-21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021 và Thông báo số 14/TB-VPCP ngày 12/01/2022 của Văn phòng chính phủ, Văn bản số 303/TTg-ĐMDN của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 07/04/2022 đã nhất trí thông qua chủ trương hợp nhất Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, phương án cụ thể và hình thức hợp nhất chưa được ban hành, theo đó, báo cáo tài chính này vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***34.4. THÔNG TIN VỀ TRANH CHẤP, KIẾN TỤNG**

Theo bản án phúc thẩm số 177/2021/KDTM-PT ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và trên cơ sở nguyên tắc thận trọng của Chuẩn mực Kế toán: Công ty đã ghi nhận vào chi phí năm 2021 số tiền là 18.267.444.877 VND (bao gồm khoản phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển hàng hóa Ý Minh về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16/12/2008 là 17.623.809.695 VND và tiền khai thác 51 toa xe từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019 là 643.635.182 VND).

Ngày 29/06/2022, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định số 16/2022/KN-KDTM kháng nghị Giám đốc, đề nghị Ủy ban Thẩm phán cấp cao tại Hà Nội xét xử Giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 177/2021/KDTM ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm 06/2022/KDTM-ST ngày 26/01/2021 và ngày 01/02/2021 của Tòa án Nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, giao Tòa án Nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, chưa có kết luận của Giám đốc thẩm.

**34.5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 2.910.932.932 VND là khoản lãi dự thu tại ngày 31/12/2023 và bao gồm 1.368.828.767 VND lãi phát sinh năm 2022 thanh toán trong năm 2023. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 2.985.270.244 VND là khoản lãi dự trả tại ngày 31/12/2023 và bao gồm 4.220.668.206 VND lãi phát sinh năm 2022 thanh toán trong năm 2023. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

**34.6. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

*Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024***Người lập biểu****Đới Văn Toàn****Kế toán trưởng****Lương Văn Chiến****Tổng Giám đốc****Nguyễn Viết Hiệp**